

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/HS-ST

Ngày 11 - 7 - 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn T L, sinh năm: 1984 (Có mặt)

ĐKNKTT: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C; Chỗ ở: K, p, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T H (đã chết) và bà: Huỳnh T H; chồng: Nguyễn H D (bị cáo trong vụ án); con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2018 cho đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn H D, sinh năm: 1978 (Có mặt)

ĐKNKTT và chỗ ở: K, p, thành phố C, tỉnh C; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn H T và bà: Lê T M; vợ: Nguyễn T L (bị cáo trong vụ án); Con: 02 người; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2019 cho đến nay.

3. Họ và tên: Nguyễn V C, sinh năm: 1988 (Có mặt)

ĐKNKTT và chỗ ở: Ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn T H (đã chết) và bà: Huỳnh T H; vợ: Thạch

M; Con: 03 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2019 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê T B, sinh năm 1966

Địa chỉ: K, p, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 50 phút ngày 02 tháng 6 năm 2016, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh C phát hiện quả tang tại nhà Lê T B, sinh năm 1966, ngụ k, p, thành phố C đang bán số đề cho Nguyễn C C, sinh năm 1969, ngụ k, p, thành phố C. Qua làm việc với Lê T B thừa nhận chỉ ghi số đề sau đó chuyển lại cho vợ chồng Nguyễn T L và Nguyễn H D để hưởng phần trăm chênh lệch. L và D là chủ thầu đề. Khi lực lượng bắt quả tang thì B chuẩn bị nhả tin chuyển phôi số cho L vợ của D các con số như sau:

03 con số đầu đuôi đài An Giang

+ 20 -35-20

+ 30-09-20

+15-15-15

+ 01 con số lô 6000 đồng x 15 lô = 90.000 đồng

Tổng: 210.000 đồng (Hai trăm mười ngàn đồng)

Căn cứ lời khai của B, Công an tỉnh C tiến hành đến nhà L và D để mời làm việc về những nội dung liên quan. Tại đây, L có giao nộp nhiều đồ vật tài liệu liên quan đến việc làm thầu đề. Trong đó, có một phôi số, L khai nhận phôi số này của Nguyễn V C là em ruột của L chuyển đến cho L vào ngày 01 tháng 6 năm 2016. Phôi số này mua đài Miền Bắc (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết Thủ Đức), bao gồm những con số sau:

13 con số lô đài Miền Bắc 152.000 đồng x 21,7 lô = 3.298.000 đồng;

09 con số đá đài Miền Bắc: 22.000 đồng x 2 x 21 lô = 924.000 đồng;

02 số đầu đuôi đài Miền Bắc 15.000 đồng x 5 x 73% = 54.750 đồng (làm tròn 54.000 đồng).

Tổng tiền bán số đề: 4.276.000 đồng.

Trong đó có trúng lô 22 với số tiền 30.000đồng/lô x 80.000 đồng = 2.400.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bán và tiền trúng là: 4.276.000 đồng + 2.400.000 đồng = 6.676.000 đồng. Trong đó, C khai nhận được hưởng phần trăm tiền chênh lệch đối với số lô là: 58.638 đồng (300đ/01 lô), phần trăm tiền chênh lệch đối với số đầu đuôi là: 3.780 đồng (70.000đ/1.000.000đ). Tổng số tiền mà C được hưởng phần trăm tiền chênh lệch trong phôi số ngày 01 tháng 6 năm 2016 là 62.418 đồng.

Đổi trừ giữa tiền trúng và tiền bán là: 1.876.000 đồng (4.276.000 đồng - 2.400.000 đồng). Số tiền này hiện nay C chưa giao lại cho L.

Ngoài ra. Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Nguyễn Thị L 04 điện thoại di động trong đó có một điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng nhạt có sim số 0947.853.585 có lưu trữ một cuộc ghi âm dài 14 phút 37 giây thể hiện giọng nói của Nguyễn H D và Nguyễn V C ghi đề ngày 29 tháng 5 năm 2016 các đài Kiên Giang, Đà Lạt, Tiền Giang. Sau khi trích nội dung ghi âm thành văn bản và tính toán đã xác định tổng số tiền mua bán số đề là 9.548.000 đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng) và tiền trúng số đề là 3.480.000 đồng (ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng) tổng cộng là 13.028.000 đồng được thể hiện như sau:

- Đài Kiên Giang:

Số đầu đuôi: 781.500 đồng

Số lô: 4.727.000 đồng.

Số đá: 145.000 đồng.

Tổng tiền bán số đề: 5.653.500 đồng.

Trong đó trúng số đề là: 1.950.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bán và tiền trúng số đề là: 7.603.500 đồng.

- Đài Đà Lạt:

Số đầu đuôi: 781.500 đồng

Số lô: 2.668.000 đồng.

Số đá: 145.000 đồng.

Tổng tiền bán số đề: 3.594.500 đồng

Trong đó trúng số đề là: 1.530.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bán và tiền trúng số đề là: 5.124.500 đồng.

- Đài Tiền Giang:

Số đầu đuôi: 300.000 đồng

Trong đó, C được hưởng phần trăm tiền chênh lệch đối với số lô là 265.000 đồng, phần trăm tiền chênh lệch đối với số đầu đuôi là 130.410 đồng.

Tổng số tiền mà C được hưởng phần trăm tiền chênh lệch trong phơi số ngày 29 tháng 5 năm 2016 là 395.410 đồng.

Đôi trừ giữa tiền trúng và tiền bán là 6.068.000 đồng (9.548.000 đồng - 3.480.000 đồng). Số tiền này hiện nay C đã giao lại cho L.

Trong hai ngày 29 tháng 5 năm 2016 và ngày 01 tháng 6 năm 2016 thì C được hưởng phần trăm tiền chênh lệch là 457.828 đồng cộng với số tiền 1.876.000 đồng mà C chưa giao lại cho Ly là 2.333.828 đồng. L và D đã hưởng lợi là 6.068.000 đồng.

Qua quá trình điều tra, L, D và C thừa nhận như sau: L và D làm thầu đề cho những người cần mua đề trong đó có chị Lê T B, ngoài ra trong quá trình L và D làm thầu đề thì có Nguyễn V C là em ruột L hằng ngày ghi đề của những người mua đề sau đó giao lại cho L hoặc D để được hưởng phần trăm chênh lệch từ việc ghi số đề nếu C giao L và D số tiền đầu đuôi là 1.000.000 đồng thì C được hưởng 70.000 đồng, còn số lô đài Miền Nam thì một lô C được hưởng

500đ/01 lô và 300đ/01 lô đài Miền Bắc. Vào ngày 29 tháng 5 năm 2016, sau khi C nhận ghi số đề từ những người chơi đề thì C đã điện thoại cho Nguyễn H D để giao các con số ở các đài Kiên Giang, Đà Lạt và Tiền Giang với tổng số tiền là 9.548.000 đồng, sau đó D đã ghi âm lại và đưa cho L để theo dõi chung chi. Đến ngày 01 tháng 6 năm 2016, C tiếp tục điện thoại cho L để giao lại các con số đề tại đài Miền Bắc với số tiền là 4.276.000 đồng. Những người mua số của C thì C không biết họ tên và địa chỉ cụ thể. Đối với L và D thừa nhận làm thầu số đề từ tháng 4 năm 2016 đến ngày bị bắt.

Về vật chứng trong vụ án gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen và 01 điện thoại I Phone màu trắng; 01 điện thoại LG màu đen có sim số 0941.464.438; 01 điện thoại Iphone màu vàng nhạt của Nguyễn H D có sim số 0947.853.585; 01 máy tính hiệu casio màu đen bạc; 01 cây viết mực màu xanh; 01 điện thoại sam sung màu đen của Lê T B và phiếu chuyển tiền vào kho bạc số tiền 21.990.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 119/CT-VKS ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau truy tố các bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn T L số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn H D số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn V C số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003.

01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen và 01 điện thoại I Phone màu trắng, cả hai điện thoại này của L đều sử dụng sim khuyến mãi và đây là tài sản của L không có liên quan đến việc phạm tội đề nghị trả lại cho L.

01 điện thoại LG màu đen có sim số 0941.464.438 đây là điện thoại L dùng để liên lạc nhận phôi số với C đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 điện thoại Iphone màu vàng nhạt của Nguyễn H D có sim số 0947.853.585 lưu đoạn ghi âm thể hiện phôi số ngày 29 tháng 5 năm 2016 giữa Nguyễn V C và Nguyễn H D đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 điện thoại di động sam sung màu đen là của Lê T B dùng để nhắn tin giao phối số cho L đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 máy tính hiệu casio màu đen bạc của L để tính tiền số đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 cây viết mực màu xanh của Lê T B dùng để ghi đề không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 520.000 đồng thu giữ của Lê T B. Trong đó, số tiền 210.000 đồng Lê T B dùng để đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước, còn lại số tiền 310.000 đồng không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho Lê T B.

Đối với số tiền 21.470.000 đồng đây là tài sản cá nhân của L đề nghị trả lại cho L.

- Buộc Nguyễn T L và Nguyễn H D nộp sung quỹ nhà nước số tiền 6.068.000 đồng và buộc Nguyễn V C nộp sung quỹ nhà nước số tiền 2.333.828 đồng. Đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 29 tháng 5 năm 2016 và ngày 01 tháng 6 năm 2016, tại k, p, thành phố C, tỉnh C, Nguyễn T L và Nguyễn H D có hành vi đánh bạc bằng hình thức làm thầu đề do Nguyễn V C nhận ghi số đề từ những người chơi đề sau đó giao lại cho Nguyễn T L và Nguyễn H D, tổng số tiền của hai lần đánh bạc là 19.704.000 đồng. L và D thu lợi bất chính được 6.068.000 đồng, C thu lợi bất chính được 2.333.828 đồng.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: *“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 03 năm”*

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

So sánh khung hình phạt của tội danh nêu trên thì Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nặng hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999. Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D, Nguyễn V C được áp dụng theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố các bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm hình sự và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng đến tình hình trật tự ở địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vì bản chất lười lao động, vụ lợi cho bản thân, xem thường pháp luật, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C tham gia đánh bạc trái phép ăn thua bằng tiền bằng hình thức chơi số đề. Bị cáo L giữ vai trò chính trong việc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo C và D giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Cụ thể, bị cáo C là người nhận phôi (tức là ghi số đề) từ những người mua số đề, sau đó giao phôi lại cho L là người thầu đề để được hưởng phần trăm chênh lệch. Bị cáo D tham gia đánh bạc từ việc nhận phôi số đề do C ghi, sau đó D đưa lại cho L để theo dõi chung chi. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong hai ngày 29/5/2016 và ngày 01/6/2016, tổng số tiền của từng lần đánh bạc đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nên phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L, D và C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 mà Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ rõ ràng, hành vi phạm tội của các bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội và để thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết, cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe, giúp các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[4] Đối với hành vi đánh bạc của Lê T B và Nguyễn C C chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động LG màu đen có sim số 0941.464.438 đây là điện thoại Ly dùng để liên lạc nhận phôi số với Chính; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng nhạt của bị cáo D có sim số 0947.853.585 đây là điện thoại lưu đoạn ghi âm thể hiện phôi số ngày 29 tháng 5 năm 2016 giữa Nguyễn V C và Nguyễn H D; 01 máy tính hiệu casio màu đen bạc của bị cáo L dùng để tính tiền số; 01 điện thoại di động sam sung màu đen là của Lê T B dùng để nhắn tin giao phôi số cho L và D. Các vật chứng trên có liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 cây viết mực màu xanh của Lê T B dùng để ghi đề không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen và 01 điện thoại I Phone màu trắng là của bị cáo L đều sử dụng sim khuyến mãi, không có liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

- Phiếu chuyển tiền vào Kho bạc số tiền 21.990.000 đồng. Trong đó:

+ Số tiền 520.000 đồng thu giữ của Lê T B tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02/6/2019. Trong đó, số tiền 210.000 đồng Lê T B dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước, còn lại số tiền 310.000 đồng không liên quan đến việc đánh bạc nên trả lại cho Lê T B.

+ Ngày 02/6/2016 và ngày 22/11/2018 Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo L tổng số tiền 21.470.000 đồng. Số tiền này không phải là tiền đánh bạc nên trả lại cho bị cáo L.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước. Cụ thể: Buộc bị cáo L và D nộp số tiền 6.068.000 đồng, bị cáo C nộp số tiền 2.333.828 đồng.

[6] Các bị cáo phạm tội bị xét xử nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về điều luật áp dụng và trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn T L số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H D số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 30 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn V C số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động LG màu đen; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng nhạt; 01 máy tính hiệu casio màu đen; 01 điện thoại di động sam sung màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn T L 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, 01 điện thoại di động Iphone màu trắng và số tiền 21.470.000 đồng (*Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*). Trả lại cho bà Lê T B số tiền 310.000 đồng (*ba trăm mười nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây viết mực màu xanh.

(Các vật chứng trên do Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đang quản lý, thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2019).

- Buộc bị cáo Nguyễn T L và Nguyễn H D nộp số tiền 6.068.000 đồng, bị cáo Nguyễn V C nộp số tiền 2.333.828 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn T L, Nguyễn H D và Nguyễn V C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VNSND thành phố Cà Mau;
- Công an thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu.

Trần Thị Kiều Trang